TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA
Bản án số: **62**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: **28-6-2021**
V/v: "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Đăng Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hồ Hải Hùng**

Bà **Lê Thị Hoa**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông **Nguyễn Tiến Oai** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bích Thảo** - Kiểm sát viên

Ngày 28/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 324/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/5/2021 về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 22/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H,** sinh năm: 1975
Địa chỉ: Thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông **Khương Văn H,** sinh năm: 1975
Địa chỉ: Thôn Xóm M, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.
Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Khương Văn H có chung sống với nhau từ năm 1994 cho đến nay, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống với nhau giữa bà và ông H xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, thường xuyên kình cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện tại, bà và ông H đã ly thân với nhau từ tháng 10/2020. Nay bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Khương Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông H có 03 con chung là Khương Văn T, sinh ngày: 09/7/1995 (đã chết); Khương Thị H, sinh ngày 02/03/2004; Khương Thị Ngọc A, sinh ngày: 04/11/2015. Nguyện vọng bà được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Khương Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn giữa vợ chồng đúng như lời bà H trình bày. Nay bà H yêu cầu Tòa án không công nhận giữa ông và bà H là vợ chồng, ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà H có 03 con chung là Khương Văn T, sinh ngày: 09/7/1995 (đã chết), Khương Thị H, sinh ngày: 02/03/2004, Khương Thị Ngọc A, sinh ngày: 04/11/2015. Ông đồng ý giao cháu H và cháu A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu A trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Trong quá trình tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Khương Văn H là vợ chồng. Về con chung: Giao con chung Khương Thị H, sinh ngày: 02/03/2004 và Khương Thị Ngọc A, sinh ngày: 04/11/2015 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: bà H, ông H không yêu cầu tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị H và ông Khương Văn H chung sống với nhau từ năm 1994 cho đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp nên khi giải quyết ly hôn cần tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Khương Văn H là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

[2] Về con chung: Bà H và ông H có 03 con chung là Khương Văn T, sinh ngày: 09/7/1995(chết), Khương Thị H, sinh ngày: 02/03/2004 và Khương Thị Ngọc A, sinh ngày: 04/11/2015. Hiện tại, cháu H và cháu A đang ở với bà H. Tại phiên tòa, ông H đồng ý giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Khương Thị Ngọc A mỗi tháng 3.000.000đ, bắt đầu từ tháng 7/2021 cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi, xét thấy đây là sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm và ông H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 207; Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phía Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1 Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Khương Văn H là vợ chồng.

1.2 Về con chung: Giao cháu Khương Thị H, sinh ngày: 02/03/2004 và cháu Khương Thị Ngọc A, sinh ngày: 04/11/2015 cho bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi cháu Khương Thị Ngọc A mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng), bắt đầu từ tháng 7/2021 cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi. Ông H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b, khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà H, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0003933 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Khương Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Quy định chung: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã Ninh Tây;
- Những người TGTT
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hữu Đăng Thanh